ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG MẠO KHÊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2839 /QĐ-UBND	*Mạo Khê, ngày 03 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đất 25 ô đất tại khu B, khu C thuộc khu dân cư Vĩnh Hòa và Khu dân cư đô thị mới tại khu Kim Thành, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh theo Phương án số 331/PAĐG-TTCUDV ngày 17/8/2026 do Trung tâm Cung ứng dịch vụ lập

UỶ BAN NHÂN ĐÂN PHƯỜNG MẠO KHÊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các Luật sửa đổi một số điều của Luật đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27/6/2024;

Căn cứ Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND thị xã Đông Triều về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (điều chỉnh) Khu dân cư tại khu Vĩnh Hòa, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của Luật đất đai;

Căn cứ các Nghị định: Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh số 100/2025/NQ- HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định Bảng giá đất lần đầu áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 100/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định bảng giá đất lần đầu áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phân cấp cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 59/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND thị xã Đông Triều về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư đô thị mới tại khu Kim Thành, phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều; Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND thị xã Đông Triều về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ ranh giới Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư đô thị mới tại khu Kim Thành, phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều; Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 18/9/2021 của UBND thị xã Đông Triều về việc phê duyệt đính chính diện tích ô đất thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư đô thị mới tại khu Kim Thành, phường Kim Sơn được UBND thị xã Đông Triều phê duyệt tại Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 và điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 26/7/2021;

Căn cứ Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của UBND thị xã Đông Triều về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu C thuộc khu dân cư tại khu Vĩnh Hòa, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều (lần 2); Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của UBND phường Mạo Khê về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu C thuộc khu dân cư tại khu Vĩnh Hòa, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều (lần 3);

Theo Phương án số 331/PAĐG-TTCUDV ngày 17/8/2026 do Trung tâm Cung ứng dịch vụ lập về việc đấu giá quyền sử dụng 25 ô đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất tại khu B, Khu C thuộc khu dân cư Vĩnh Hòa và Khu dân cư đô thị mới tại khu Kim Thành, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh và Văn bản số 645/TTCUDV ngày 17/8/2026 của Trung tâm Cung ứng dịch vụ về việc thẩm định và trình phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất; xác định giá khởi điểm để đấu giá các ô đất tại các khu đất trên địa bàn phường để đấu giá giao đất có thu tiền sử dụng đất cho cá nhân tự đầu tư xây dựng nhà ở, đợt 02 năm 2026;

Xét đề nghị của Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 514/TTr-XD,NN&MT ngày 03/9/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất để tính giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đất 25 ô đất tại khu B, khu C thuộc khu dân cư Vĩnh Hòa và Khu dân cư đô thị mới tại khu Kim Thành, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh theo Phương án số 331/PAĐG-TTCUDV ngày 17/8/2026 do Trung tâm Cung ứng dịch vụ lập như sau:

STT	Số hiệu ô đất đấu giá		Vị trí/ Giá đất để tính giá khởi điểm đấu giá	Diện tích ô đất (m^2)
	Lô	Ô số		
I	**Khu B thuộc khu dân cư tại khu Vĩnh Hòa: 01 ô đất**			
1	BT5	02	VT1 Mục 29.1.3. Ô bám một mặt đường rộng 7,0m - giá đất 8.000.000đ/m^2	240,0
II	**Khu C thuộc khu dân cư tại khu Vĩnh Hòa: 22 ô đất**			
2	L6"	01	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	197,43
3	L6"	02	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	104,01
4	L6"	03	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	106,59
5	L6"	04	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	109,17
6	L6"	05	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	114,33
7	L6"	06	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	116,88
8	L6"	07	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	119,43
9	L6"	08	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	122,01
10	L6"	09	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	124,59
11	L6"	10	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	127,17
12	L6"	11	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	129,75
13	L6"	12	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	132,33
14	L6"	13	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải – giá đất: 13.000.000đ/m^2	134,91

15	L6"	14	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	104,55
16	L6"	15	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	107,13
17	L6"	16	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	109,71
18	L6"	17	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	112,29
19	L6"	18	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	114,87
20	L6"	19	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	117,45
21	L6"	20	VT1 Mục 29.2.2. Các ô liền kề bám đường tránh Trần Quang Khải - giá đất: 13.000.000đ/m^2	211,52
22	L6"	37	VT1 Mục 29.2.1. Các ô liền kề bám đường rộng từ 7m đến 10,5m - giá đất (Ô góc * hệ số 1,2): 9.720.000đ/m^2	156,54
23	L8"	17	VT1 Mục 29.2.1. Các ô liền kề bám đường rộng từ 7m đến 10,5m - giá đất (Ô góc * hệ số 1,2): 9.720.000đ/m^2	126,70
III	**Khu dân cư đô thị mới tại khu Kim Thành: 02 ô đất**			
24	N0-06	09	VT1 Mục 2.1. Đường tránh Trần Quang Khải đoạn từ ngã 3 giao cắt QL18A đến giáp lạch Cầu Trạ (giáp phường Mạo Khê cũ) - giá đất 10.000.000đ/m^2	144,2
25	N0-06	16	VT1 Mục 2.1. Đường tránh Trần Quang Khải đoạn từ ngã 3 giao cắt QL18A đến giáp lạch Cầu Trạ (giáp phường Mạo Khê cũ) - giá đất 10.000.000đ/m^2	144,2
			TỔNG	**3.327,76**

Điều 2. Trung tâm Cung ứng dịch vụ căn cứ nhiệm vụ được giao tại Phương án đấu giá được phê duyệt hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục và các công việc khác có liên quan trước khi tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Cung ứng dịch vụ phường

và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND phường; *(báo cáo)*
- Như Điều 2, Điều 3; *(thực hiện)*
- Lưu: VT, hs.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG MẠO KHÊ T.P QUẢNG NINH

Nguyễn Quang Huy

U.B.N.D PHƯỜNG